

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP QUY NHƠN**

**PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG
GIAI ĐOẠN 2025 – 2030**

Gia Lai, 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	5
DANH MỤC BẢNG VÀ HÌNH ẢNH.....	6
NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG	8
MỞ ĐẦU.....	8
SỰ CẦN THIẾT PHẢI CẬP NHẬT PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG	8
Chương 1: CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN.....	10
I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC	10
1. Văn bản quy phạm pháp luật của trung ương	10
2. Văn bản của địa phương.....	12
2. CAM KẾT QUỐC TẾ.....	13
3. TÀI LIỆU SỬ DỤNG	13
3.1. Tài liệu dự án, quyết định thành lập, giao nhiệm vụ cho chủ rừng.....	13
3.2. Các tài liệu điều tra chuyên đề của khu rừng.....	13
3.3. Bản đồ.....	13
3.4. Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh.....	13
3.5. Số liệu hiện trạng tài nguyên rừng, kế hoạch sử dụng đất của đơn vị	13
Chương 2: ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA ĐƠN VỊ	14
I. THÔNG TIN CHUNG.....	14
1. Tên và địa chỉ liên lạc.....	14
2. Các căn cứ pháp lý	14
3. Cơ cấu tổ chức bộ máy	15
4. Chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch, Ban giám đốc, các Phòng ban và Đội.....	17
5. Tóm tắt nhiệm vụ của các vị trí chủ chốt liên quan đến việc quản lý theo tiêu chuẩn FSC.....	18
6. Nhận xét về thực trạng chung của đơn vị	19
II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THỦY VĂN VÀ THỎ NHƯỜNG ..	19
1. Vị trí địa lý, địa hình.....	19
2. Khí hậu.....	19
3. Thủy văn.....	20
4. Địa chất và thổ nhưỡng	20
5. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên đối với hoạt động kinh doanh rừng của Công ty.	21
III. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI	21
1. Dân số, dân tộc, lao động.....	21
2. Kinh tế: Những hoạt động kinh tế chính, thu nhập đời sống của dân cư.....	22
3. Xã hội: Thực trạng giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa	23
4. Nhận xét những thuận lợi khó khăn về kinh tế - xã hội.	27
IV. GIAO THÔNG	28
1. Hệ thống giao thông đường bộ trong khu vực.....	28
2. Nhận xét	28

V. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG.....	29
1. Những loại dịch vụ môi trường rừng đơn vị đang triển khai, thực hiện	29
2. Đánh giá tiềm năng cung cấp các loại dịch vụ môi trường	29
VI. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT	29
1. Hiện trạng sử dụng đất theo đơn vị quản lý và chức năng.....	29
2. Phân tích, đánh giá tổng quát về hiện trạng tài nguyên rừng và tình hình sử dụng đất	34
VII. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG.....	35
1. Hiện trạng phân bố diện tích và trữ lượng các loại rừng	35
2. Hiện trạng trữ lượng Carbon tại các khu rừng của Công ty.....	40
3. Hiện trạng phân bố lâm sản ngoài gỗ	44
VIII. HIỆN TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT	47
1. Cơ sở vật chất	47
2. Phương tiện, thiết bị hiện có.....	40
3. Kết quả các chương trình dự án đã và đang thực hiện	44
IX. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC	48
1. Quản lý rừng tự nhiên.....	48
2. Quản lý rừng trồng	48
3. Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và sâu bệnh hại rừng.....	49
4. Quản lý lâm sản ngoài gỗ	50
5. Quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học	50
X. PHÂN KHU CHỨC NĂNG CÁC KHU RỪNG CỦA CÔNG TY.....	56
1. Phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng	56
2. Phân khu chức năng phòng hộ của rừng.....	57
3. Kết quả sản xuất kinh doanh của chủ rừng các năm liên tiếp liền kề.....	58
4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công ích của chủ rừng trong ba (03) năm liên tiếp liền kề.....	60
Chương 3: MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ HIỆU QUẢ PHƯƠNG ÁN	61
I. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG	61
1. Mục tiêu chung.....	61
2. Mục tiêu cụ thể.....	61
2.1. Mục tiêu về kinh tế	61
2.2. Mục tiêu về môi trường.....	61
2.3. Mục tiêu về xã hội.....	62
II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	62
III. XÁC ĐỊNH KHU VỰC LOẠI TRỪ VÀ KHU VỰC TỔ CHỨC SẢN XUẤT, KINH DOANH RỪNG.....	64
1. Khu vực loại trừ.....	61
2. Khu vực rừng, đất lâm nghiệp tổ chức sản xuất kinh doanh rừng hướng đến duy trì chứng chỉ quản lý rừng bền vững.....	62

IV. KẾ HOẠCH KHOÁN RỪNG, VƯỜN CÂY VÀ DIỆN TÍCH MẶT NƯỚC CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐANG CƯ TRÚ HỢP PHÁP TẠI ĐỊA PHƯƠNG; CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ	66
1. Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng.	67
2. Kế hoạch, nội dung thực hiện đồng quản lý.	67
V. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN, SỬ DỤNG RỪNG BỀN VỮNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC	66
1. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.	67
2. Kế hoạch phát triển rừng.	85
3. Khai thác lâm sản.	87
4. Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực.	98
5. Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.	100
6. Sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp.	100
7. Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng.	100
8. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng.	100
9. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng.	101
10. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng.	101
11. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học;	102
VI. KHÁI TOÁN, DỰ KIẾN NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	102
1. Tổng hợp khái toán, dự kiến nhu cầu vốn cho kế hoạch quản lý rừng bền vững.	102
2. Nguồn vốn đầu tư.	104
VII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	105
1. Giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực.	105
2. Giải pháp về phối hợp với các bên liên quan.	105
3. Giải pháp về khoa học, công nghệ.	105
4. Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư.	106
5. Giải pháp về thị trường.	106
6. Giải pháp khác.	106
VIII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN	107
1. Hiệu quả về kinh tế.	107
2. Hiệu quả về xã hội.	107
3. Hiệu quả về môi trường.	108
Chương 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN	109
I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ	109
1. Phòng kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng:	109
2. Phòng Kế hoạch.	109
3. Phòng Tổ chức - Hành chính.	109
4. Phòng Kế toán.	109
II. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT	109
1. Giám sát năng suất rừng.	109
2. Giám sát trồng và chăm sóc rừng:	110
3. Giám sát khai thác rừng:	110

4. Giám sát tác động môi trường.....	110
5. Giám sát tác động xã hội.	110
III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	Error! Bookmark not defined.
1. Kết luận	Error! Bookmark not defined.
2. Kiến nghị.....	112
Phần 2	112
HỆ THỐNG CÁC LOẠI BẢN ĐỒ VÀ BIỂU KÈM THEO PHƯƠNG ÁN QUẢN	
LÝ RỪNG BỀN VỮNG	112
I. CÁC LOẠI BẢN ĐỒ	112
II. HỆ THỐNG CÁC BIỂU	Error! Bookmark not defined.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BQ: Bình quân

CCR: Chứng chỉ rừng

DT: Diện tích

LN: Lâm nghiệp

MTV: Một thành viên

NN&MT: Nông nghiệp và môi trường

NN&PTNT: Nông nghiệp và phát triển nông thôn

QLRBV: Quản lý rừng bền vững

SXNN: Sản xuất nông nghiệp

THCS: Trung học cơ sở

TNHH: Trách nhiệm hữu hạn một thành viên

UBND: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG VÀ HÌNH ẢNH

1. DANH MỤC BẢNG

Bảng 01. Thống kê dân sinh, kinh tế - xã hội.....	26
Bảng 02. Tổng hợp diện tích rừng và đất rừng của công ty quản lý	31
Bảng 03. Thống kê hiện trạng sử dụng đất của chủ rừng theo đơn vị hành chính cấp xã	32
Bảng 04. Thống kê diện tích rừng và đất rừng của công ty theo các đội quản lý	34
Bảng 05. Thống kê hiện trạng rừng năm 2025	36
Bảng 06. Thống kê trữ lượng các loại rừng năm 2025.....	38
Bảng 07. Kết quả sơ bộ theo cấp tuổi.....	Error! Bookmark not defined.
Bảng 08. Đa dạng nhóm công dụng của hệ thực vật rừng trồng tham gia ccr của công ty ln quy Nhơn.....	44
Bảng 09. Đa dạng về công dụng các loài lâm sản ngoài gỗ khu vực rừng tự nhiên	45
Bảng 10. Danh sách các loài thú nguy cấp, quý, hiếm tại công ty lâm nghiệp quy Nhơn	52
Bảng 11. Các loài chim nguy cấp, quý, hiếm ở ctn quy Nhơn.....	53
Bảng 12. Danh sách các loài bò sát – lưỡng cư nguy cấp, quý hiếm ở ctn quy Nhơn.....	53
Bảng 13. Các loài thực vật thuộc danh mục đặc hữu, bảo tồn cao trong khu vực rừng tự nhiên	54
Bảng 14. Diện tích các khu rừng đặc dụng của công ty	57
Bảng 15. Diện tích các khu rừng phòng hộ của công ty	57
Bảng 16. Kết quả sản xuất kinh doanh của chủ rừng	59
Bảng 17. Tổng hợp kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2025 - 2030	63
Bảng 18. Tổng hợp diện tích dự kiến cấp lại chứng chỉ rừng và diện tích loại trừ của công ty	64
Bảng 19. Tổng hợp kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng bền vững giai đoạn 2025-2030	68
Bảng 20. Tổng hợp kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng, phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2025-2030	72
Bảng 21. Tổng hợp kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng, phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2025-2030	74
Bảng 22. Kế hoạch khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên tại công ty giai đoạn 2025 - 2030	85
Bảng 23. Tổng hợp kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng bền vững giai đoạn 2025-2030	86
Bảng 24. Tổng hợp kế hoạch khai thác lâm sản giai đoạn 2025-2030.....	88
Bảng 25. Kế hoạch khai thác gỗ rừng trồng giai đoạn 2025 – 2030 của công ty	89

Bảng 26. Dự kiến sản lượng gỗ khai thác giai đoạn 2025 – 2030 của công ty	89
Bảng 27. Diện tích khai thác gỗ rừng trồng và trữ lượng bình quân.....	89
Bảng 28. Dự kiến sản lượng khai thác gỗ rừng trồng trên đất rừng đặc dụng và phòng hộ	90
Bảng 29. Kế hoạch khai thác chi tiết cho năm 2025	90
Bảng 30. Diện tích khai thác rừng gỗ lớn trên đất rừng sản xuất và trữ lượng bình quân	93
Bảng 31. Sản lượng khai thác rừng gỗ lớn trên đất rừng sản xuất	93
Bảng 32. Diện tích khai thác rừng gỗ nhỏ trên đất rừng sản xuất và trữ lượng bình quân	94
Bảng 33. Sản lượng khai thác rừng gỗ nhỏ trên đất rừng sản xuất	95
Bảng 34. Nội dung và tần suất các khóa đào tạo tập huấn	99
Bảng 35. Tổng hợp nhu cầu vốn cho kế hoạch quản lý bảo vệ rừng bền vững	103
giai đoạn 2025 - 2030	103
Bảng 36. Nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2025 - 2030.....	104
Bảng 37. Các nội dung cần giám sát và tần suất giám sát.....	110

2. DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Sơ đồ sắp xếp bộ máy của công ty	16
Hình 2: Bản đồ hiện trạng tài nguyên rừng của công ty Lâm nghiệp Quy Nhơn.....	30
Hình 3a&b: Sinh khối trên mặt đất (AGB) và sinh khối dưới mặt đất (BGB) theo cấp tuổi và Công ty Lâm nghiệp Quy Nhơn; Lượng hấp thụ các-bon trung bình dài hạn của chu kỳ 5 năm so với chu kỳ 11 năm.....	45
Hình 4: Loài sâm xuyên đá và sâm lông	45
Hình 5: Lá nón (<i>Licuala spinosa</i>).....	47
Hình 6: Người dân khai thác đốt lá nón từ khu rừng.....	47
Hình 7: Khai thác nhựa dầu đốt tím	47
Hình 8: Vết tích tàn dư của khai thác than củi trước đây	47
Hình 9: Sơn tuế (<i>Cycas inermis</i>)	56
Hình 10: Chò đen (<i>Parashorea stellata</i>)	56
Hình 11: Dầu đốt tím (<i>Dipterocarpus grandifloras</i>).....	56
Hình 12: Vàng đắng (<i>Coscinium fenestratum</i>)	56
Hình 13: Bản đồ diện tích và vị trí các lô rừng chứng chỉ FSC của Công ty Lâm nghiệp Quy Nhơn	65
Hình 14: Bản đồ rừng tự nhiên tham gia chứng chỉ rừng của Công ty Lâm nghiệp Quy Nhơn	66
Hình 15: Khu vực rừng tự nhiên hiện hữu giá trị HCV 1.....	83
Hình 16: Khu vực rừng hiện hữu giá trị HCV 4.....	84

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

MỞ ĐẦU

Khái quát chung về công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng đảm bảo mục đích sử dụng rừng. Vai trò của rừng đối với con người và các hoạt động sống trên trái đất rất quan trọng, nhưng lại giới hạn về diện tích và cố định về vị trí. Do vậy việc sử dụng rừng và đất rừng phải hết sức tiết kiệm và hợp lý trên cơ sở hiệu quả và bền vững. Đến 31/12/2024 Việt Nam có trên 14,87 triệu ha rừng đạt độ che phủ 42,03%. Trong đó diện tích rừng tự nhiên chiếm 10,13 triệu ha và 4,74 triệu ha rừng trồng. Để quản lý và bảo vệ diện tích rừng hiện có, Chính phủ đã giao các diện tích rừng cho các nhóm chủ rừng khác nhau.

Việt Nam tham gia tiến trình Quản lý rừng bền vững (QLRBV) và Chứng chỉ rừng (CCR) từ năm 1998. Đến năm 2006, Việt Nam CCR FSC đầu tiên của công ty liên doanh trồng rừng Quy Nhơn với khoảng 10 ngàn ha và đến năm 2010 mới có CCR thứ 2. Đến tháng 12 năm 2024 đã có hơn 650 ngàn ha rừng đã được cấp CCR (trong đó có 464.175 ha rừng được cấp chứng chỉ FSC FM/CoC và 194.205 ha rừng được cấp chứng chỉ VFCS/PEFC). Hầu hết diện tích có chứng chỉ được thực hiện từ một số doanh nghiệp có tiềm năng hoặc có sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật của Chính phủ các nước và các tổ chức Quốc tế. Các mô hình CCR rất đa dạng từ công ty Lâm nghiệp, đến nhóm hộ gia đình, Hợp tác xã, hội chủ rừng, liên kết giữa công ty sản xuất Lâm nghiệp hoặc chế biến gỗ với các hộ gia đình.

Bên cạnh CCR về QLRBV, đến cuối năm 2024 Việt Nam đã có gần 2000 doanh nghiệp chế biến gỗ được cấp chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) của 2 hệ thống Chứng chỉ Quốc tế FSC (1923 chứng chỉ) và PEFC (134 chứng chỉ).

SỰ CẦN THIẾT PHẢI CẬP NHẬT PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

Hiện nay, QLRBV đã và đang thu hút được sự quan tâm đặc biệt trên thế giới và trong nước nhằm đảm bảo tính bền vững và phát huy những tác động tích cực của công tác này trong thực tiễn. Đặc biệt gần đây Châu Âu áp dụng Quy định chống phá rừng của Châu Âu (EUDR) sẽ có nhiều ngành sản xuất bị ảnh hưởng trong đó có ngành gỗ. Ở Việt Nam, QLRBV đã được thể hiện rõ tại khoản 1 điều 27 trong Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 là “Chủ rừng là tổ chức phải xây dựng và thực hiện phương án QLRBV” và đã được hướng dẫn xây dựng phương án QLRBV theo Thông tư 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 Quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quy Nhơn cũng đã xây dựng và thực hiện phương án QLRBV từ nhiều năm trước theo quy định của Nhà nước. Đặc biệt phương án QLRBV của Công ty đã được cấp chứng chỉ FSC lần đầu vào năm 2020 với sự hỗ trợ của Viện QLRBV và chứng chỉ rừng Việt Nam. Năm 2025, đến thời hạn đánh giá lại chứng chỉ FSC cho chu kỳ 5 năm mới, do đó việc xây dựng lại phương án QLRBV là rất cần thiết nhằm đánh giá lại việc thực hiện phương án QLRBV trong 5 năm vừa qua để phát huy các điểm tích cực đồng thời giảm thiểu các tác động tiêu cực (nếu có) trên cơ sở đó cập nhật được phương án QLRBV cho giai đoạn 5 năm tới (2026 – 2030) đảm bảo các lợi ích về kinh tế, môi trường, xã hội đồng thời tuân thủ các quy định về luật pháp của quốc tế và quốc gia theo đúng các nguyên tắc của FSC.